

CHÙA THÁP VÀ PHẬT GIÁO THỜI TRẦN QUA NHỮNG DẤU TÍCH HIỆN CÒN

TẠ QUỐC KHÁNH (*)

Từ khoảng 2.000 năm trước, các nhà sư Ấn Độ mang theo tư tưởng Phật giáo đã đến Việt Nam bằng những con đường của thương nhân (cả đường bộ lẫn đường thủy). Khi tới một vùng đất mới, cũng như các tôn giáo khác, Phật giáo phải tìm/dựng cho mình một trụ sở, từ đó hoàng dương Phật pháp và ngôi chùa Việt đã ra đời. Gần 2.000 năm tồn tại và phát triển, Phật giáo đã có chỗ đứng vững chắc, chi phối nhiều mặt đời sống người dân Việt Nam. Các ngôi chùa lần lượt mọc lên trong từng làng xã, từng địa bàn quần cư của người Việt.

Thời gian đầu, theo Chu Quang Trứ, có thể các tăng sĩ đã lợi dụng miếu thờ thần để “Phật hoá thần” và như vậy “chùa hoá miếu”⁽²⁾. Đồng quan điểm, Hà Văn Tấn cho rằng, buổi đầu người ta đem tượng Phật vào điện thần chứ không phải đem tượng thần vào chùa Phật⁽³⁾. Từ việc hỗn dung với tín ngưỡng bản địa để tồn tại và phát triển, sau gần 1.000 năm, Phật giáo đã có chỗ đứng vững chắc trong lòng xã hội Đại Việt, để đến các thế kỉ X và XI, nó trở thành một tôn giáo có vai trò quan trọng nhất. Cùng với sự lớn mạnh của Phật giáo, chùa chiền mọc lên ngày một nhiều.

Bên cạnh những ngôi chùa lớn do nhà nước xây dựng (quốc tự), chùa làng

(hương tự) đã dần phổ biến dưới thời Lý và đặc biệt là thời Trần⁽⁴⁾. Nguyễn Dữ trong *Truyền kì mạn lục* (viết vào thế kỉ XV) mô tả: "Chùa chiền dựng lên, làng lớn có đến hơn mười chùa, làng nhỏ cũng có chừng năm sáu". Văn bia chùa Thiệu Phúc (tỉnh Bắc Giang) do Nho thần Lê Quát soạn năm 1370 có đoạn ghi rõ: "Trên từ vương công, dưới đến dân thường, hễ bố thí vào việc nhà Phật, thì dầu đến hết tiền của cũng không sển tiếc. Nếu ngày nay gửi gắm vào tháp chùa thì mừng rỡ như nắm được khoản ước để lấy quả báo ngày sau. Cho nên trong từ kinh thành, ngoài đến châu phủ, cho tới thôn cùng ngõ hẻm, không mệnh lệnh mà người ta vẫn theo, không thể thốt mà

*. ThS., Viện Bảo tồn Di tích, Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch.

1. Chu Quang Trứ. *Tượng cổ Việt Nam với truyền thống điêu khắc dân tộc*, Nxb. Mỹ thuật, 2001, tr.10.

2. Hà Văn Tấn. *Chùa Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, 1998, tr. 27.

3. Hà Văn Tấn. *Chùa Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, 1998, tr. 27.

4. Khái niệm *làng* với tư cách là một đơn vị hành chính nhỏ nhất phải đến thế kỉ XV mới có nhưng tương đương với nó là đơn vị hành chính *hương* thì đã có từ lâu. Dưới làng/hương còn có các thôn/ấp nhưng nó chưa thành một đơn vị hành chính với những chức quan do triều đình bổ dụng để cai quản. Thực tế, ngay cả khi có đơn vị hành chính *làng* thì người ta vẫn dùng từ *hương* như một cách gọi tương đồng: hương = làng (ví dụ *hương ước* là những quy ước của làng/xã...).

người ta vẫn tin. Chỗ nào có người ở tất có chùa Phật, bỏ rồi lại xây, hỏng rồi lại sửa, chuông trống lâu dài chiếm đến nửa phần so với dân cư đạo Phật hưng thịnh rất dễ mà được rất mực tôn sùng"⁽⁵⁾.

Có thể thấy, trong giai đoạn này, Phật giáo không chỉ lan rộng trong mọi tầng lớp xã hội mà tôn giáo này còn có những bước phát triển vững chắc, xuất hiện nhiều tông phái: Thiên tông, Mật tông, Tịnh Độ tông, v.v... Đặc biệt, thời Trần đã xuất hiện và phổ biến Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử, một tông phái Phật giáo riêng của người Việt, do Trần Nhân Tông sáng lập.

Nếu dấu tích những ngôi chùa từ thời Lý trở về trước chúng ta mới chỉ tìm thấy xung quanh kinh thành (Hoa Lư và Thăng Long), hay những vùng phụ cận (Bắc Ninh, Hà Nội, Hà Nam, Nam Định), thì sang thời Trần, dấu vết của chúng đã xuất hiện nhiều ở những vùng xa xôi (vùng núi tỉnh Lào Cai, tỉnh Yên Bái, ở ngoài khơi vùng biển tỉnh Quảng Ninh và khá nhiều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang...), khẳng định sự mở rộng một cách vững chắc cương vực Đại Việt.

I. MỘT SỐ DẤU VẾT KIẾN TRÚC CHÙA TRẦN HIỆN CÒN

Tính đến cuối năm 2008, ngành khảo cổ học đã khảo sát và khai quật được 07 di tích còn dấu vết nền móng, mặt bằng chùa tháp thời Trần, đó là:

1. Chùa Côn Sơn và tháp Đăng Minh (xã Chi Ngại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương), được Bảo tàng Hải Dương thăm dò, khai quật năm 1979, tìm thấy một phần tháp Đăng Minh do Thiên sư Huyền Quang xây dựng cùng nhiều di vật đất nung phong cách nghệ thuật thời

Trần. Theo *Tam Tổ thực lục*, ngôi chùa có thể được xây dựng khoảng đầu thế kỉ XIV, tháp Đăng Minh được dựng năm 1334. Tuy nhiên, ngôi tháp này chỉ tồn tại tới thế kỉ XVII thì bị đổ. Gần đây, Bảo tàng Hải Dương đã khai quật và phục dựng lại ngôi tháp này.

2. Chùa Lâm (nằm trên đảo Thừa Cống, huyện Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh) được Viện Khảo cổ học và Bảo tàng Quảng Ninh khai quật trong các năm 1969 và 1974, tìm thấy một số bức chạm rồng, sáu đá và hiện vật đất nung có phong cách nghệ thuật thế kỉ XIV.

3. Chùa Kim Âu (thuộc khu di tích Ly Cung, xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá), được Viện Khảo cổ học và Bảo tàng Thanh Hoá khai quật trong các năm 1979 và 1985, tìm thấy một số vết tích nền móng cùng nhiều di vật đất nung. Theo *Đại Việt sử kí toàn thư*, di tích này được Hồ Quý Ly cho xây dựng năm 1397 và nó là ngôi quốc tự, nằm trong quần thể Ly Cung.

4. Chùa Báo Ân (huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội) được Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam khai quật trong các năm 2002, 2003, 2004, đã phát hiện được nhiều hiện vật đá, đất nung, đầu tượng đồng mạ vàng thời Trần. Theo sử sách, đây là ngôi chùa lớn kiêm hành cung dưới thời Trần, có quan hệ với 3 vị tổ sáng lập Thiên phái Trúc Lâm là Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang.

5. Chùa Đậu (huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội) được Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam và Bảo tàng Hà Tây (nay là Hà Nội) khai quật đầu năm 2006,

5. *Đại Việt sử kí toàn thư, Tập 1*. Nxb. Văn học, 2006, tr. 599.

phát hiện nhiều hiện vật đất nung thời Trần. Đặc biệt tại sân trước ngôi chùa này hiện vẫn còn đôi rồng đá thành bậc phong cách nghệ thuật thời Trần.

6. Chùa Hang (tỉnh Yên Bái) do Viện Khảo cổ học và Bảo tàng Yên Bái khai quật năm 2007 đã tìm thấy dấu vết nền móng của ngôi tháp đất nung thời Trần cùng mặt bằng Thượng điện.

7. Chùa Quỳnh Lâm (huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) được Viện Khảo cổ học khai quật năm 2008, tìm thấy nhiều chân tảng, rồng thành bậc cùng các hiện vật đất nung thời Trần. Ngôi chùa này nguyên được dựng từ thời Lý.

Ngoài 7 phế tích nêu trên còn phải kể tới nhiều đợt khai quật của Bảo tàng Quảng Ninh tại khu di tích Yên Tử (tỉnh Quảng Ninh), Bảo tàng Bắc Giang trong dãy núi Huyền Đinh (huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang), thậm chí cả những phát hiện trong dãy Hương Sơn (tỉnh Hà Tĩnh), hay trên vùng núi thuộc các tỉnh Yên Bái, Hà Giang, v.v... nhưng kết quả thu được chủ yếu là những mảnh gạch, ngói, chân tảng đá, mảnh tháp..., không thấy quy mô, mặt bằng ngôi chùa thời Trần. Nhưng dù sao, những phát hiện đó cũng hữu ích cho việc tìm hiểu về nghệ thuật điêu khắc Phật giáo thời Trần.

Ngoài những dấu tích kiến trúc khảo cổ học nêu trên, những di tích chùa tháp thời Trần hiện còn trên mặt đất gồm:

1. Chùa Phổ Minh (tỉnh Nam Định). Theo *Đại Việt sử kí toàn thư*, chùa được triều đình xây dựng năm 1262, năm 1305 xây tháp đá. Những di vật thời Trần còn lại tới ngày nay là bộ cánh cửa gỗ chạm rồng (hiện trưng bày tại Bảo tàng Nam Định), ngôi tháp đá và 104 chân tảng hoa sen.

2. Tháp đá Huệ Quang (chùa Hoa Yên, khu di tích Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh). Tháp đã được trùng tu nhiều lần vào các thời sau, chỉ còn phần đế chạm sen, cúc là thuộc thời Trần.

3. Tháp Bình Sơn (chùa Then, xã Tam Sơn, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc), được xây dựng hoàn toàn bằng đất nung. Tháp đã được trùng tu nhưng về cơ bản vẫn giữ được cấu trúc của nhiều bức chạm, trang trí thuộc cuối thời Trần.

Bên cạnh đó vẫn còn 3 ngôi chùa nằm trong các làng xã vẫn bảo lưu được bộ khung kiến trúc và các cấu kiện gỗ thời Trần giúp chúng ta hiểu được phần nào bộ khung kiến trúc Thượng điện ngôi chùa thời Trần, đó là:

1. Chùa Bối Khê (huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội). Theo văn bia hiện lưu tại chùa thì di tích này được dựng năm 1338. Mặc dù đã được trùng tu qua nhiều đời, nhưng ngôi chùa vẫn giữ được một mặt bằng Thượng điện cùng một số thành phần kiến trúc gỗ chạm rồng, chim thần thuộc thời Trần và một bộ đá hoa sen hình hộp tạo dựng năm 1382.

2. Chùa Dâu (huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) vốn có từ lâu đời và được sửa sang lớn vào thời Trần. Hiện chùa còn hai bộ vì nóc Thượng điện với những trụ đầu, ván bưng lá đề chạm rồng, tiên nữ cùng những chân tảng đá chạm hoa sen phong cách nghệ thuật thời Trần.

3. Chùa Thái Lạc (huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên) mặc dù được tu sửa qua những giai đoạn sau nhưng chùa hiện còn giữ được nhiều thành phần kiến trúc gỗ (cột trốn, cốn vì nách...) chạm khắc các đề tài tiên nữ, nhạc công, rồng, phượng, sen, cúc, v.v.... mang phong cách nghệ thuật

thế kỉ XVI. Đây là di tích giữ được nhiều nhất các bức chạm gỗ thời Trần.

Ngoài ra còn chùa Hương Trai (huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội) và chùa Phúc Thắng (huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội) cũng bảo lưu được mặt bằng Thượng điện và chân tảng hoa sen, bệ đá hoa sen hình hộp thời Trần.

Năm 2006, Viện Bảo tồn Di tích đã phát hiện được một ngôi tháp đá trong khuôn viên chùa thôn Vĩnh Nhuế (Hưng Nghiêm Tự, xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định) mang phong cách nghệ thuật cuối thế kỉ XIV, chứng tỏ ngay từ thời Trần, trong các ngôi chùa làng, bên cạnh Thượng điện thờ Phật đã có những ngôi tháp tổ.

Bên cạnh một số ngôi chùa do triều đình xây dựng (chùa Phổ Minh, chùa Đệ Tứ - Nam Định; hệ thống chùa tháp Yên Tử - Quảng Ninh, v.v...), là những ngôi chùa làng rải rác trong các làng xã, từ lâu trở thành một trung tâm văn hoá và sinh hoạt tâm linh của người dân địa phương. Những ngôi chùa làng thời Lý tới nay chỉ còn một vài dấu vết mờ nhạt, cho nên chùa làng thời Trần đã trở thành chứng tích xưa nhất của kiến trúc Phật giáo dân dã Việt. Tiêu biểu nhất cho loại hình này phải kể tới chùa Dâu (tỉnh Bắc Ninh), chùa Thái Lạc (tỉnh Hưng Yên), chùa Bối Khê (thành phố Hà Nội), v.v... Đó là những ngôi chùa hiện còn lưu giữ được nhiều dấu vết nhất của kiến trúc Phật giáo dân dã thời Trần.

II. CẤU TRÚC PHẬT ĐIỆN CHÙA TRẦN

Hiện duy nhất chùa Phổ Minh với ngôi tháp đá và 104 chân tảng hoa sen là có thể cho ta mường tượng về bố cục mặt bằng của chùa tháp thời Trần. Khi đó,

ngoài tòa Tam bảo có lẽ ngôi chùa đã bao gồm nhiều hạng mục phụ trợ khác. Văn bia chùa Thiệu Long (dựng năm 1226) cho biết, khi đó ngôi chùa đã gồm các hạng mục: đài cầu, lầu gác, hành lang, nhà Tăng, vườn cảnh... nguy nga tráng lệ⁽⁶⁾. Nhưng chùa Thiệu Long hay chùa Phổ Minh đều là những ngôi chùa lớn do triều đình hoặc hoàng tộc đứng ra xây dựng (chùa Thiệu Long do Thái tử Đỗ Năng Tế xây). Ngoài một số ngôi chùa của triều đình, những ngôi chùa làng thường có quy mô nhỏ hơn nhiều, tháp chùa thường được dựng trên trục trung tâm, thẳng với gian giữa Phật điện.

Qua những ngôi chùa làng thời Trần còn sót lại, chúng ta thấy, các công trình đều được xây dựng ở nơi phong quang, tách biệt với dân cư, nhưng lại là trung tâm của nhiều vùng lân cận. Trước mặt chùa thường là những bãi rộng, thoáng, không có nhà dân che chắn (chùa Dâu, chùa Thái Lạc phía trước là ruộng). Đa số phía trước ngôi chùa còn có thêm những dòng sông nhỏ, làm nơi tụ thủy, tụ phúc... Ví dụ chùa Bối Khê nằm giữa vùng đất trù phú cửa ngõ phía tây của kinh thành Thăng Long, thuộc tả ngạn sông Đáy, từng một thời là con đường giao thông huyết mạch trong vùng đồng bằng Bắc Bộ, trước chùa xưa kia có sông Đỗ Động; phía trước chùa Dâu, có sông Dâu, v.v...

Nền Phật điện thường có hình chữ nhật gần như vuông, mỗi cạnh khoảng từ 9m tới 12m và bao giờ cũng được tôn cao hơn mặt sân chùa khoảng từ 0,70m đến 1,20m. Xưa kia, sân chùa được lát bằng hai loại gạch: gạch không trang trí và gạch trang trí hoa chanh, hoa cúc dây,

6. Đinh Khắc Thuân, Tống Trung Tín. *Về tấm bia đá thời Trần ở chùa Thiệu Long (Hà Nội)*. Tạp chí *Khảo cổ học*, số 2/1991.

v.v... (kích thước mỗi viên thường 40cm x 40cm x 5cm). Gạch trang trí có lẽ được lát trên trục trung tâm (trục thân đạo), không phải dành cho lối đi thông thường (đền Trần, đền Gin - Nam Định, chùa Sẻ - Hà Nội...).

Từ dưới sân chùa có những bậc cấp dẫn lên nền chùa, hai bên là những con rồng hay sóc đá thành bậc (đôi rồng chùa Đậu, huyện Thường Tín - Hà Nội, đôi sóc chùa Thầy, huyện Quốc Oai - Hà Nội, chùa Đệ Tứ - Nam Định, v.v...), bố vỉa xung quanh là đá khối hoặc gạch. Mặt nền Phật điện thường chỉ là đất nện mà không hề được lát gạch hoặc bằng bất kể chất liệu nào khác⁽⁷⁾.

Bên trong Phật điện, nhất là ở những ngôi chùa ven sông Đáy (chùa Ngọc Đình, chùa Bối Khê, chùa Viên An, chùa Thầy, chùa Hương Trai... đều thuộc thành phố Hà Nội) thường có một nhang án đá lớn nằm sát *cột cái* phía trong, chiều dài xấp xỉ bề rộng gian nhà⁽⁸⁾. Nếu ở thời Lý, mới chỉ tìm thấy dấu tích của việc thờ tượng Phật A Di Đà trong Phật điện, thì với việc tồn tại nhang án đá này khiến chúng ta nghĩ rằng có thể Phật điện thời Trần đã thờ cả ba pho tượng (Tam thế hoặc Tam tôn). Tiếc rằng, hiện nay không còn dấu tích một pho tượng Phật thời Trần. Tất nhiên, cũng có thể có cả những pho tượng như Kim cương, Hộ pháp được bài trí trong chùa. Tuy nhiên, với một diện tích nhỏ như vậy, có thể Phật điện thời Trần chưa thờ nhiều tượng Phật như các thời sau.

Cũng dễ nhận thấy rằng, trong một diện tích quá nhỏ (so với diện tích các chùa thời sau), việc hành lễ khó có thể được thực hiện ở trong lòng Phật điện. Một thực tiễn còn tồn tại cho phép chúng ta liên tưởng tới cách thức hành lễ thời Trần là nghi thức nhiều

Phật (chạy đàn, tức vừa đi vừa tụng kinh xung quanh Phật điện). Hình thức này hiện vẫn còn ở nhiều chùa thuộc Thiên phái Tào Động trên đất Bắc và ở các ngôi chùa của Phật giáo Nam Tông. Thời Trần, tục nhiều Phật chắc khá phổ biến. Cách thức đó phù hợp với ngôi chùa làng nhỏ hẹp, nó cũng phù hợp với cách “thế gian trụ trì Phật pháp”.

Dựa vào dấu vết còn lại ở chùa Bối Khê, chùa Thái Lạc, chùa Dâu, v.v..., có thể nhận thấy, Phật điện chùa làng thời Trần thường có 1 gian 2 chái, với 4 cột cái thấp, to và 12 cột quân tương ứng, có 2 bộ vì để đỡ 2 mái chính và 2 mái bên. Bộ khung được làm bằng gỗ mít. Các cột đều được kê trên chân tảng hoa sen. Mỗi chân tảng thường là một khối hộp hình chữ nhật, trên mặt chạm 16 cánh sen mập, toả đều ra xung quanh, ôm lấy một đài sen hình tròn chính giữa. Đường kính đài sen tương ứng với đường kính cột mà nó đỡ phía trên (thông thường các chân tảng có kích thước 70cm x 70cm x 20cm với đường kính đài sen khoảng 50cm đến 52cm).

Hai bộ vì nóc có kết cấu kiểu giá chiêng⁽⁹⁾, còn tám vì nách kết cấu cốn

7. Theo quan niệm của người xưa, vũ trụ thường được chia làm 3 tầng, trong đó dưới đất cũng là một tầng, nơi tàng trữ nguồn sinh lực vô tận của Mẹ Đất. Nhưng, trong một nhận thức khác còn cho rằng, dưới đất là nơi của các “*kiếp đời đã qua*”. Lát mặt nền của đền, chùa là chặn nguồn sinh khí của đất, khiến làng xóm không phát triển được. Nhiều khi, để tạo đường cho các lực lượng từ thế giới bên dưới lên trần gian, người xưa còn đào một hố sâu tròn ở gần bàn thờ. Ngày nay, kiến trúc gốc của các ngôi chùa thời Trần đã được mở rộng qua các thời sau.

8. Thường thường, chúng được gọi là bệ đá hoa sen hình hộp thời Trần. Ngoài ra, chúng còn được gọi bằng những tên khác như: *Bàn đá, bệ Phật, toà Kim cương*. Bệ chùa Bối Khê có kích thước 2,4m x 1,16m x 1,16m.

9. *Vì giá chiêng* là kiểu thức liên kết vì nóc có niên đại sớm nhất trong các kiến trúc Việt cổ bằng gỗ hiện còn ở nước ta.

chồng rường với các xà ngắn ăn chân mộng vào cột cái trong tư thế chồng lên nhau. Những cốt chồng rường ở chùa Thái Lạc có niên đại sớm nhất trong hiểu biết hiện nay, cuối thế kỉ XIV... Kết thúc vì nách là một chiếc bẩy lớn (bẩy hiên), được tạo từ những thân gỗ khá lớn, đặt chéo, ăn mộng qua đầu các cột quân. Phần đuôi bẩy (nghe bẩy) tì lực vào dạp xà nách, thân bẩy chạy chéo xuống, vươn dài ra đỡ những hoành mái cuối cùng. Các bẩy hiên chạm hình chim thần Garuda, hình rồng ở Phật điện chùa Bối Khê được xác định niên đại thời Trần và là những bẩy hiên sớm nhất hiện còn ở nước ta. Do các cột đều thấp, nên độ cao của bẩy so với mặt nền, chỉ xấp xỉ hơn 1m (chiều cao ở chùa Bối Khê là 1,18m). Lực đỡ góc mái chùa được tập trung trên lưng chiếc kẻ dài chạy từ đầu cột cái qua đầu cột góc ra ngoài. Thông thường, ở bụng của đầu kẻ có tay chống ăn mộng vào thân cột.

Nếu các bộ vì liên kết công trình theo chiều ngang thì liên kết dọc lại là hệ thống xà (xà đai thượng, hạ), những thân gỗ nối các đầu cột cái, cột quân theo chiều dọc công trình. Những xà đai này khiến công trình không cần móng tường vẫn có thể đứng vững qua giông bão.

Các kết quả khảo sát cho thấy, Phật điện thời Trần chưa có tường xây chịu lực. Bao che xung quanh chỉ là hệ thống ván bưng gỗ, nằm trên hàng cột quân, vẫn đảm bảo sự kín đáo, thâm nghiêm cho không gian thờ tự mà khi cần, có thể tháo ra dễ dàng để lấy ánh sáng và mở rộng không gian hành lễ (Phật điện chùa Bối Khê, chùa Dâu, v.v...).

Bốn mái Phật điện khá rộng, trùm ra ngoài nền. Hiện không còn một bộ mái hoàn chỉnh nào có niên đại thời Trần

nhưng bằng những phát hiện khảo cổ học, chúng ta có thể hiểu phần nào kết cấu của chúng. Mái được lợp bằng nhiều loại ngói khác nhau, nhưng tựu trung lại, có thể chia làm hai loại: ngói lợp và ngói lót. Ngói lót (còn gọi là ngói chiếu) do đặt trên mặt phẳng nghiêng của chất liệu gỗ dễ bị xô trượt nên được các thanh mè cố định lại. Ngói lợp tự ổn định bằng chính trọng lượng và lực ma sát khá lớn giữa các bề mặt đất nung. Ngói lợp thời Trần chủ yếu là ngói mũi hài, có những loại mũi hài đơn, mũi hài kép. Bên cạnh loại ngói bằng đất nung thông thường còn có cả ngói tráng men, ngói in, ngói khắc hoa văn, thậm chí ở đầu mũi ngói còn gắn các tượng chim, uyên ương...

Hai đầu bờ nóc là những con kìm đất nung, có nhiệm vụ kìm giữ nóc mái, tránh gió lùa qua đầu hồi có thể hư hại công trình, nhưng các nghệ nhân đã nâng lên thành những biểu tượng mang ý nghĩa triết học cao siêu khi mô phỏng chúng thành hình những con rồng lớn. Ở những đầu đao lại là những con phượng với chiếc mỏ lớn, thân mập. Trên nóc mái chùa thời Trần còn có những sản phẩm trang trí bằng đất nung khác, đó là hình lá đề chạm người, chạm rồng, chạm phượng, v.v... Những sản phẩm đất nung này đã tạo nên một giá trị nghệ thuật độc đáo, mang đặc trưng phong cách thời Trần, không lẫn với bất cứ một thời kì nào trong lịch sử kiến trúc Việt Nam.

Để giảm bớt sự thô cứng, nặng nề của các cấu kiện kiến trúc và cũng nhằm gửi gắm những ước vọng cá nhân vào công trình công cộng, người thợ xưa đã khắc tạc nên đó nhiều tác phẩm điêu khắc trang trí có giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ cao. Những điêu khắc trên gỗ ở chùa Thái

Lạc, chùa Dâu, chùa Bối Khê trở thành những tác phẩm chạm khắc gỗ cổ xưa nhất hiện còn ở nước ta. Đề tài trang trí trên kiến trúc chùa tháp thời Trần khá phong phú: con người (tiên nữ, nhạc công, phỗng), động vật (rồng, phượng, lân...), hoa lá (sen, cúc, lá đề), vân mây, sóng nước, Mặt Trời, v.v.... Nó khiến cho ngôi chùa thời Trần trở thành một điểm nhấn giữa cộng đồng dân cư.

III. MỘT SỐ DI VẬT TIÊU BIỂU TRONG NGÔI CHÙA THỜI TRẦN

1. Bệ hoa sen hình hộp

Theo các kết quả nghiên cứu, tính đến nay, đã phát hiện được khoảng 50 bệ, tuyệt đại được làm bằng chất liệu đá, chỉ có bệ chùa Hang (huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái) được làm bằng đất nung. Đây là một di vật đặc biệt trong các ngôi chùa thời Trần và đến nay vẫn còn nhiều tên gọi khác nhau: bệ hoa sen, bệ Tam thế, tòa Kim cương, v.v... Toàn bộ bệ có chiều cao từ 1,10m đến 1,40m, mặt trên dài từ 1,85m đến 3,30m, rộng từ 0,94m đến 2m.

Trong số hơn 50 bệ, chỉ có 8 bệ ghi niên đại tuyệt đối, được xác định dưới thời Trần:

- Bệ chùa Long Hoa (huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam) tạo năm 1364.
- Bệ chùa Hương Trai (huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội) tạo năm 1370.
- Bệ chùa Đại Bi (huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội) tạo năm 1374.
- Bệ chùa Phúc Thắng (huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội) tạo năm 1375.
- Bệ chùa Bối Khê (huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội) tạo năm 1382.
- Bệ chùa thôn Trung (huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội) tạo năm 1382.

- Bệ chùa Phổ Quang (huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ) tạo năm 1386.

- Bệ chùa Long Khánh (huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên) tạo năm 1394.

Địa bàn phân bố của những di vật này chủ yếu tập trung ở những ngôi chùa ven sông (sông Hồng, sông Đáy), thuận tiện giao thông đường thủy. Có tới 5/8 bệ ghi niên đại tuyệt đối được phát hiện ở tả ngạn sông Đáy, hơn nữa khung niên đại đều nằm trong khoảng nửa sau thế kỉ XIV. Từ kết quả đó khiến một số nhà nghiên cứu đưa ra giả thuyết vào cuối thời Trần, có một hiệp thợ chạm khắc đá cư trú ở tả ngạn sông Đáy, đã tạo những bệ hoa sen hình hộp cho chùa làng mình, sau đó đã nhân rộng ra các vùng xung quanh⁽¹⁰⁾.

2. Chuông đồng

Hiện mới chỉ phát hiện được 3 quả chuông chùa có niên đại thời Trần:

- Chuông chùa Bình Lâm (xã Phúc Ninh, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang). Dựa vào bài minh văn có thể đoán định niên đại chuông khoảng các năm 1295 - 1296.

- Chuông chùa Rối (xã Cẩm Thịnh, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh), được phát hiện ngẫu nhiên trong vườn chùa. Xét phong cách nghệ thuật và minh văn, chuông có thể được tạo tác vào nửa đầu thế kỉ XIV⁽¹¹⁾.

10. Chu Quang Trứ. *Mỹ thuật Lý - Trần: Mỹ thuật Phật giáo*, Nxb. Thuận Hóa, 1998, tr. 68. Thực tế, kiểu bệ hoa sen này không chỉ có ở thời Trần mà còn tiếp tục được làm ở những thời sau. Chúng tôi đã phát hiện được khá nhiều bệ có niên đại, phong cách nghệ thuật của các thế kỉ XVI, XVII.

11. Tống Trung Tín. *Nghệ thuật điêu khắc Việt Nam thời Lý và thời Trần*, Nxb. Khoa học Xã hội, 1997, tr. 44.

- Chuông chùa Vân Bản (thị xã Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng) được ngư dân vớt từ dưới biển lên, còn khá nguyên vẹn và hiện trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Xét phong cách nghệ thuật và minh văn, chuông có thể được tạo tác khoảng từ năm 1288 đến năm 1304.

3. Bia đá

Hiện đã phát hiện hơn 10 bia có niên đại thời Trần trong các ngôi chùa làng. Địa bàn phân bố của những tấm bia này cũng trải dài hơn thời Lý, phía bắc tới huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (bia chùa Sùng Khánh, khắc năm 1367), phía nam tới tỉnh Thanh Hoá (bia chùa Hưng Phúc năm 1324, bia chùa Sùng Nghiêm năm 1372...). Chúng đều là những tấm bia 2 mặt, trán bia hình bán nguyệt hơi dẹt. Chiều cao trung bình từ 100cm đến 150cm, rộng từ 70cm đến 85cm. Đề tài trang trí chủ đạo trên bia thời Trần là rồng, phượng, hoa cúc, sóng nước. Hoa văn Mặt Trời trên trán bia chưa thấy phổ biến như các thời sau, ngược lại hoa văn sóng nước ở chân bia lại trở thành nét đặc trưng của các bia thời Lý - Trần. Có thể kể ra một số bia tiêu biểu:

- Bia chùa Thiệu Long (xã Tam Hiệp, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội) khắc năm 1226. Đây là tấm bia thời Trần sớm nhất hiện biết. Hai mặt bia còn khá nguyên vẹn, chạm phượng, hoa cúc, sóng nước. Toàn bộ bia được đặt trên lưng rùa. Nội dung bia ghi việc dựng chùa Thiệu Long, đúc tượng.

- Bia chùa Sùng Hưng (xã Tiểu Liêm, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định), khắc năm 1293. Bài minh ở mặt trước bia đã bị mòn nhiều. Mặt sau bia chỉ có dòng niên đại và một chữ Phật lớn.

- Bia chùa Hưng Phúc (xã Quảng Hùng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá) khắc năm 1324 nhưng bị mòn mờ nhiều.

- Bia chùa Đại Bi (xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên) khắc năm 1327. Nội dung bia ghi việc nhà sư Trí Hành đứng ra hưng công sửa chữa từ năm 1324 đến 1326 thì hoàn thành.

- Bia chùa Diên Phúc, còn gọi là chùa Che (xã Tân Dân, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội) khắc năm 1328. Bia được gắn vào tường nên chỉ thấy được mặt trước với trán chạm rồng, hoa cúc, đế bia chạm sóng nước. Nội dung bia ghi việc dựng chùa, bài trí Phật điện và cho biết thời đó chùa Che đã là một tự viện lớn trong vùng.

- Bia chùa Sùng Thiên (xã Thị Đức, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương) khắc năm 1331. Nội dung bia ghi việc nhà sư Chính Nghiêm đứng ra dựng chùa Sùng Thiên. Minh văn chuông còn cho biết thời đó chùa đã có tiền đường, hậu phòng.

- Bia tháp Viên Thông, chùa Thanh Mai (xã Hoàng Hoa Thám, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương) khắc năm 1362, nhưng đã bị mòn nhiều.

- Bia chùa Dầu (xã Đình Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam) tạo tác năm Đại Trị [1358 - 1369], hai mặt bia chạm rồng, hoa lá và chân dung người có công dựng chùa.

- Bia chùa Sùng Nghiêm (núi Vân Lỗi, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá) khắc năm 1372. Nội dung bia ghi việc nhà sư trụ trì chùa Khánh Lâm (gần đó?) đã chọn núi Vân Lỗi mở núi, bạt rừng, xây dựng am vãi, đúc tượng Tam thế, tượng Đại Bi (Quan Âm) bằng vàng đặt ở đỉnh non, sớm chiều cầu khẩn.

- Bia chùa Phúc Minh (huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình) khắc năm 1377 ghi việc trùng tu chùa Phúc Minh, một ngôi chùa vốn do Linh Nhân thái hậu dựng từ thời Lý. Công việc trùng tu chùa kéo dài từ năm 1338 tới năm 1342.

- Bia chùa Từ Am (huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội) khắc năm 1358, nội dung thống kê số ruộng chùa.

Qua văn bia (và thư tịch), chúng ta biết được quy mô, bố cục cũng như các loại tượng Phật được thờ trong chùa thời Trần. Tấm bia *Thiệu Long tự bi* khắc năm Kiến Trung thứ 2 [1226] cho biết sự bài trí Phật điện trong một ngôi chùa thời này: Bên trong đắp tượng Phật mình vàng, bên ngoài đặt tượng tiên nữ dâng hoa, sát cạnh đặt tượng Bồ tát Đại Quyển, trên tường vẽ bậc Tôn giả, tượng Khuyến thiện cầm kiếm đứng trước án Phật, bên trái là tượng Hoà thượng Trần Như, bên phải bày tượng Mỹ Âm - vị vua trông coi âm nhạc. Như vậy, trong ngôi chùa thời Trần mới chỉ có tượng Khuyến thiện mà chưa tạo thành bộ tượng Hộ pháp như sau này. Trung tâm Phật điện là một pho tượng Quan Âm lớn, dát vàng. Bên cạnh đó còn có những pho tượng khác như tiên nữ dâng hoa, tôn giả... Nhưng có thể thấy, cách bài trí này không theo một mẫu, hay không giống với những cách bài trí của thời sau.

Không chỉ vậy, văn bia còn cho biết trong ngôi chùa thời Trần đã thờ tượng Quan Âm nghìn tay nghìn mắt. Vị bồ tát này chiếm một vị trí trung tâm trên Phật điện. Văn bia *Diên Phúc viện bi* khắc năm Khai Thái thứ 5 [1328] mô tả tượng Quan Âm: "Ngôi ngay ngấn trên toà sen, cầm cành dương liễu và bình vàng, đưa nghìn tay với tới khắp mọi nơi". Bia *Đại*

Bi Diên Minh tự bi dựng năm Khai Thái thứ 4 [1327] mô tả: "Đúc Bồ tát Đại Bi hiện ra mấy thân, đưa nghìn tay nghìn mắt..."⁽¹²⁾. Bia *Thanh Mai Viên thông tháp bi* dựng năm Đại Trị thứ 5 [1362] cho biết chùa Thanh Mai (tỉnh Hải Dương) dưới thời Trần đã đúc tượng Quan Âm nghìn tay nghìn mắt và có thể đây là pho tượng đồng⁽¹³⁾.

Sách *Tam Tổ thực lục* cũng cho biết, đương thời, Đế nhị tổ Trúc Lâm - Pháp Loa đã cho đúc hơn 1.300 pho tượng đồng cúng vào nhiều chùa, trong đó có tượng Phật Di Lặc đặt tại chùa Quỳnh Lâm (tỉnh Quảng Ninh); đắp hơn 100 tượng đất và làm 2 bộ tranh Phật. *Tam Tổ thực lục* còn cho biết thêm, trong chùa thời Trần đã có tượng Phật A Di Đà và Phật Thích Ca. Phạm Sư Mạnh trong bia chùa Đại Bi (núi Vân Lỗi) còn cho biết có tượng Tam thế trong chùa.

Mặc dù vậy, với việc tồn tại những bệ hoa sen hình hộp nên có thể nghĩ đây là bệ dành cho ba pho tượng quan trọng nhất trên Phật điện. Bên cạnh kiểu bệ khối hộp này cũng đã có những bệ hoa sen tròn, nhỏ, thích hợp bày một pho tượng (chùa Ngọc Khám, tỉnh Bắc Ninh).

Ngoài những di vật nói trên, trong một vài ngôi chùa vẫn giữ được những mô hình tháp bằng đất nung hoặc đất sét trắng tráng men, mặt cắt hình vuông, gồm nhiều tầng thu nhỏ dần khi lên cao, kích thước tầng để chỉ 10cm đến 15cm

12. Đại Bi là một pháp hiệu của Quan Âm Bồ tát. Thực tế cho thấy, những ngôi chùa với tên chữ Đại Bi tự tồn tại tới ngày nay đều chủ yếu thờ Quan Âm nghìn mắt nghìn tay (chùa Bối Khê - Đại Bi Tự ở thành phố Hà Nội là một ví dụ điển hình).

13. Chu Quang Trứ. *Tượng cổ Việt Nam với truyền thống điêu khắc dân tộc*, Nxb. Mỹ thuật, 2001, tr.338.

mỗi cạnh (chùa Chò, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc; chùa Sùng Nghiêm, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; chùa Sủi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội...). Đề tài trang trí trên thân tháp là những chi tiết vòm cửa, phù điêu tượng Phật, tượng Kim cương, hình rồng, nữ thần chim, hoa lá, v.v...

Lời kết

Sự hưng thịnh của Phật giáo thời Trần đã kéo theo sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc. Tuy vẫn tiếp tục kế thừa những truyền thống từ trước, nhưng phong cách kiến trúc, điêu khắc thời Trần thể hiện có phần phóng khoáng, khỏe mạnh và hiện thực hơn. Lĩnh vực kiến trúc về điêu khắc đã hòa quyện và phục vụ đắc lực cho việc mở mang văn hóa dân tộc. Bấy giờ, hầu hết các công trình kiến trúc có quy mô lớn đều tập trung ở Thăng Long và Thanh Hóa. Tại Thăng Long, nhà Trần đã cho tu bổ thành quách và xây dựng thêm nhiều kho tàng, cung điện. *Đại Việt sử kí toàn thư* nhiều lần ghi chép những sự kiện về trùng tu và tân tạo các kiến trúc trong phạm vi kinh thành Thăng Long. Đáng tiếc là, do thiên tai và chiến tranh xâm lược, phần lớn các kiến trúc này hiện không còn nữa. Tuy nhiên, nhiều hơn cả vẫn là những công trình xây dựng có quy mô nhỏ như: chùa, tháp, đền, miếu, v.v... Đặc điểm nổi bật của những công trình này đều mang đậm màu sắc nghệ thuật Phật giáo hoặc Đạo giáo.

Những ngôi chùa tháp thời Trần được tạo dựng lên từ bàn tay, khối óc và niềm tin của quần chúng. Hơn bao giờ hết, hình

ảnh ngôi chùa trở thành thân quen và cần thiết trong đời sống của nhân dân: “Đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt”. Theo ước tính của Nguyễn Lang, dưới thời Trần, nước ta có khoảng 9.500 ngôi chùa, trong đó có tới 9.000 ngôi chùa làng⁽¹⁴⁾. Tuy nhiên, như phản ánh của Nguyễn Dữ trong *Truyện kì mạn lục* thì đến đời vua Giản Định nhà Trần, binh lửa luôn năm, số chùa chiền còn lại mười không được một, mà số còn lại ấy cũng mưa lay, gió chuyển, đổ ngã xiêu vẹo, tiêu điều...⁽¹⁵⁾. Cho đến nay, số chùa tháp thời Trần còn ít hơn thế rất nhiều, lại không một di tích nào còn nguyên vẹn, có di tích chỉ còn sót lại một vài di vật.... Mặc dù vậy, ngoài những kiến trúc gỗ còn sót lại, đó đây trong mỗi làng quê vẫn còn lưu giữ được những di vật thời Trần. Đó là một quả chuông chùa, một nhang án đá, hay có khi chỉ là những chân đá tảng hoa sen... như nhang án đá chùa Dâu (Yên Khánh, Ninh Bình), hay tấm bia trên núi Dục Thúy (Thành phố Ninh Bình), v.v...⁽¹⁶⁾ và bài viết này mới chỉ dựa trên những tư liệu điền dã được thu thập tại một số chùa - tháp vùng đồng bằng Bắc Bộ. Việc tìm hiểu, góp nhặt, nâng niu, trân trọng chúng cũng là một sự trân trọng nguồn cội, là sự bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc như Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 5 (Khoá VIII) đã đề ra. /

14. Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 2, Nxb. Văn học, 2000, tr. 534.

15. Dẫn theo: Hà Văn Tấn. *Chùa Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, 1998, tr. 43.

16. Nguyễn Mạnh Cường. *Bi văn trên núi Dục Thúy (Ninh Bình) hay cuộc chiến Phật - Nho cuối thời Trần*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2/2009.